

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2025

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim N, sinh năm 2003; đăng ký thường trú: Ấp LH, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ 10, khu phố DS, phường AT, thành phố BC, tỉnh Bình Dương;

- Bị đơn: Ông Danh Hoàng D, sinh năm 2000; đăng ký thường trú: Khóm 5, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Tổ 10, khu phố DS, phường AT, thành phố BC, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Phan Thị Kim N trình bày:

Bà N và ông Danh Hoàng D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã KA, huyện CM, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95 do Ủy ban nhân dân xã Kiến An cấp ngày 07/4/2022. Hiện tại bà N và ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát do vợ

chồng không còn hợp tính nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân đã không còn đạt được nên bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà Phan Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với ông Danh Hoàng D.

Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Danh Mỹ N1, sinh ngày 11/01/2022, bà N yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết..

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Danh Hoàng D trình bày:

Ông D và bà Phan Thị Kim N sau thời gian tìm hiểu thì quyết định đăng ký kết hôn, chung sống với nhau từ ngày 07/4/2022. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân do cả hai đều sống theo cách của riêng mình, không quan tâm, chia sẻ, cảm thông cho nhau được. Dù 02 bên đã cố gắng dung hoà nhưng cuộc sống chung vẫn không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Hiện tại hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau được một thời gian, trong thời gian ly thân thì ông D cũng đã suy nghĩ kỹ. Nếu hôn nhân đã không đạt được mục đích thì nay bà N yêu cầu ly hôn là đúng, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Về con chung: Giữa ông D và bà N có 01 đứa con chung tên là Danh Mỹ N1, sinh ngày 11/01/2022. Hiện tại con chung đang do bà N nuôi dưỡng nên nay khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con thì ông D đồng ý. Ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung thì ông D không yêu cầu giải quyết.

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên toà.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện VKSND thành phố Bến Cát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự có tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn ông D có nơi cư trú hiện tại ở khu phố

DS, phường AT, thành phố BC, tỉnh Bình Dương, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về việc tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2022 tại Ủy ban nhân dân xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang. Do đó quan hệ hôn nhân giữa ông Danh Hoàng D và bà Phan Thị Kim N là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn do nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được. Bị đơn thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc và giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau, hiện tại hai bên đã không còn chung sống với nhau trong một thời gian dài.

Xét lời trình bày của các bên thì thấy rằng: Nguyên đơn và bị đơn đã không còn chung sống với nhau trong khoảng thời gian dài, các bên cũng không đưa ra phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án tiến hành hoà giải đoàn tụ cho hai bên nhưng nguyên đơn thì xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông D có mặt tham gia nhưng cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn và không tiến hành hoà giải đoàn tụ cho các bên nữa. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa các bên đã đến mức trầm trọng, các bên không có thiện chí hàn gắn, không còn quan tâm chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Các bên đều thừa nhận giữa bà N và với ông D có 01 con chung Danh Mỹ N1, sinh ngày 11/01/2022, hiện tại con chung đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông D cũng thống nhất để bà N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông D đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu theo quy định.

[4] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Kim N đối với bị đơn ông Danh Hoàng D về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Kim N được ly hôn với ông Danh Hoàng D.

- Về con chung: Giao con chung là Danh Mỹ N1, sinh ngày 11/01/2022 cho bà Phan Thị Kim N được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Danh Hoàng D có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bà Phan Thị Kim N và ông Danh Hoàng D đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Ông Danh Hoàng D được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Kim N phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000336 ngày 11/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Ông Danh Hoàng D phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- UBND xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến